

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAN LỘC
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 22-3-2022
*V/v ly hôn, tranh chấp tài sản
chung, tranh chấp quyền sử dụng
đất và đòi nợ*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAN LỘC, TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Quốc Linh, bà Phan Thị Thanh Huyền

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Hảo - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Can Lộc, Tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Can Lộc tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Lĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 22/3/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2021/TLST-HNGĐ ngày 02/3/2021 về “Ly hôn”, thụ lý bổ sung số 20a/2021/TLST-HNGĐ ngày 05/4/2021 về “Tranh chấp tài sản chung”, thụ lý yêu cầu độc lập số 01/TB-TA ngày 31/8/2021 về “Tranh chấp quyền sử dụng đất và đòi nợ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/02/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐST-HNGĐ ngày 10/3/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Thái Thị L; Sinh năm 1967; Hộ khẩu thường trú: Thôn Trung H, xã Thiên L, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh; Chỗ ở hiện nay: Thôn Thiên H, xã Thiên L, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh; Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Võ Văn C; Sinh năm 1964; Hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn Trung H, xã Thiên L, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh; Có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:* Bà Nguyễn Thị H; Sinh năm: 1942; Hộ khẩu thường trú: Thôn Trung H, xã Thiên L, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh; Địa chỉ: Thôn Hạ V, xã Thiên L, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh; Có mặt.

4. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ủy ban nhân dân huyện Can Lộc; Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Trần P; Người đại diện theo ủy quyền: Ông

Nguyễn Tiến D; Chức vụ: Phó chủ tịch UBND huyện Can Lộc (Văn bản ủy quyền ngày 10/01/2022); Có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Người làm chứng:

- Chị Võ Thị N; Sinh năm: 1985; Địa chỉ: Thôn Thiên H, xã Thiên L, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh; Có mặt.

- Ông Võ Huy C; Sinh năm: 1960; Địa chỉ: Thôn Thiên H, xã Thiên L, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các ý kiến trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, nguyên đơn Thái Thị L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Thái Thị L và ông Võ Văn C tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 1985 tại UBND xã Thiên L, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh. Trong cuộc sống chung xảy ra nhiều xích mích, mâu thuẫn và bà bị đánh đập nhưng bà đều cố gắng bỏ qua vì con cái. Đến tháng 6/2020, sau khi bị chồng đánh đập phải nhập viện điều trị thì bà quyết định ly thân, về sống cùng con gái Võ Thị N tại thôn Thiên H, xã Thiên L, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện nay bà không còn tình cảm và mong muốn được ly hôn với ông C.

- Về con chung: Vợ chồng hiện có 06 con chung đều đã thành niên, có công việc và thu nhập riêng, không phụ thuộc vào bố mẹ nên bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết về con cái.

- Về tài sản chung: Theo bà L, vợ chồng có tài sản chung gồm thửa đất số 333, tờ bản đồ 34, tại thôn Trung H, xã Thiên L, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh (sau đây gọi tắt là thửa đất số 333), 01 ngôi nhà cấp 4 trên thửa đất này cùng các đồ dùng sinh hoạt trong gia đình. Bà L thừa nhận nguồn gốc thửa đất này là của mẹ chồng (bà Nguyễn Thị H) giao lại cho vợ chồng quản lý, sử dụng kể từ năm 1985. Ngày 31/3/2021, bà L khởi kiện bổ sung, yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng. Bà L đã nộp 1.702.000 đồng tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản. Đến ngày 12/01/2022 bà L rút yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung của vợ chồng.

- Về nợ chung: Bà L trình bày hiện vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ chung.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, bị đơn Võ Văn C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông C thống nhất với lời trình bày của bà L về thời gian chung sống, ly thân nhưng cho rằng khi đi đăng ký kết hôn thì bà L chưa đủ 18 tuổi nên không đăng ký được. Ông C khẳng định ông và bà L không thực hiện việc đăng ký kết hôn. Ông C thừa nhận có một số mâu thuẫn vợ chồng và ông có tát, cầm dép ném bà L chứ không phải hay đánh đập như bà L trình bày. Nay ông C không đồng ý ly hôn với bà L.

- Về con chung: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, ông C thống nhất với lời khai của bà L, vợ chồng hiện có 06 con chung đều đã thành niên, có công việc và thu

nhập. Tại phiên tòa, ông C trình bày vợ chồng có bao nhiêu con chung thì ông không biết.

- Về tài sản chung: Ông C cho rằng ông C và bà L chỉ có tài sản chung là một ngôi nhà và các vật dụng sinh hoạt trong gia đình trong đó bộ bàn ghế gỗ là ông tự mua. Thửa đất số 333 là đất của bà Nguyễn Thị H (mẹ đẻ ông), không phải là tài sản chung của vợ chồng. Ông C đồng ý trả lại thửa đất cho bà H.

- Về nợ chung: Ông C cho rằng khoản nợ 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) mà ông viết giấy vay tiền vào ngày 20/10/2010 là nợ chung của vợ chồng với bà H nhưng hiện tại ông chưa có tiền trả cho bà H.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị H trình bày:

- Trong cuộc sống chung, ông C và bà L đã nhiều lần xảy ra cãi vã, mâu thuẫn, còn ông C có đánh đập bà L không thì bà không chứng kiến. Bà H không muốn các con ly hôn và đã khuyên bảo nhưng bà L không nghe.

- Thửa đất số 333 là đất của bà, bà chỉ cho vợ chồng ông C sử dụng từ năm 1985 đến nay chứ chưa thực hiện thủ tục tặng cho. Nay vợ chồng ly hôn thì bà đòi lại thửa đất này để bà sử dụng, đề nghị UBND huyện Can Lộc hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 333 đã cấp cho Võ Văn C và Thái Thị L.

- Ngoài ra, để làm nhà trên thửa đất nói trên, ông C đã đại diện vay bà H 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) như giấy vay tiền mà ông C đã viết. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bà Hương yêu cầu ông C và bà L phải có trách nhiệm trả cho bà số tiền này. Tại phiên tòa, bà H rút yêu cầu đối với ông C để hai bên tự thực hiện với nhau, bà H yêu cầu bà L trả 50.000.000 (năm mươi triệu đồng).

Ý kiến của đại diện UBND huyện Can Lộc có trong hồ sơ thể hiện: Thửa đất số 333 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1996 mang tên ông Võ C và cấp đổi năm 2014 mang tên ông Võ Văn C và bà Thái Thị L; Ông Võ C và Võ Văn C là một người. Ủy ban nhân dân huyện Can Lộc không đồng ý hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 593704 ngày 02/4/2014 đã cấp cho bà Thái Thị L và Võ Văn C, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Chị Võ Thị N trình bày bà Thái Thị L đang sống cùng gia đình chị từ tháng 6/2020 cho đến nay. Cuộc sống chung của bố mẹ nhiều lần xảy ra mâu thuẫn, lục đục. Các con cũng bàn bạc nhiều nhưng mẹ kiên quyết ly hôn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định

Lời khai của ông Võ Huy C có trong hồ sơ thể hiện cuộc sống chung của ông C và bà L xảy ra nhiều mâu thuẫn, lục đục, ông và gia đình đã bàn bạc nhiều nhưng không thành. Về việc vay tiền thì ông là người chứng kiến bà H cho ông C vay tiền, là người ký vào giấy vay tiền do ông C viết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đảm bảo tuân theo pháp luật tố tụng;

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L, đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của bà L; không chấp nhận yêu cầu của bà H về việc đòi lại quyền sử dụng đất và đòi nợ bà L 50.000.000 đồng; đình chỉ yêu cầu đòi nợ của bà H đối với ông C; Về án phí: Đề nghị miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà H; buộc bà L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được nhận lại 2.000.000 đồng án phí chia tài sản chung; Về chi phí thẩm định, định giá: Bà Lan phải chịu 1.702.000 đồng chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Bà Thái Thị L yêu cầu ly hôn với ông Võ Văn C có hộ khẩu thường trú tại thôn Trung H, xã Thiên L huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Can Lộc.

Tại phiên tòa vắng mặt đại diện UBND huyện Can Lộc nhưng ông Nguyễn Tiến D có đơn xin xét xử vắng mặt, người làm chứng Võ Huy C vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 228, Điều 229 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử là đúng quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông C:

Ông C cho rằng ông C và bà L không đăng ký kết hôn nhưng căn cứ lời khai của bà L, biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Thiên Lộc, sổ hộ tịch đăng ký kết hôn cho thấy bà L và ông C đăng ký kết hôn vào ngày 12/6/1985. Mặt khác, cuộc sống chung của hai vợ chồng bắt đầu từ năm 1985 cho đến thời điểm ly thân (tháng 6/2020), có con chung, có xây dựng nhà ở chung... Như vậy, lời khai của ông C về việc không đăng ký kết hôn tại UBND xã Thiên L là không có căn cứ. Hội đồng xét xử khẳng định quan hệ hôn nhân giữa ông C và bà L là có tồn tại. Bà L và ông C có những bất đồng trong tính cách và quan điểm sống, khó có thể dung hòa, hôn nhân của bà L và ông C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Ông C tuy không đồng ý ly hôn nhưng không có phương án đoàn tụ, xây dựng cuộc sống chung. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của bà L, cho bà L ly hôn ông C.

[3] Về con chung của bà L và ông C:

Căn cứ 06 giấy khai sinh mà bà L nộp theo đơn khởi kiện thấy rằng các con chung của ông C và bà L đều đã thành niên; ông C và bà L đều trình bày các con có công việc và thu nhập ổn định. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về con chung.

[4] Về tài sản chung của bà L và ông C:

- Về thửa đất số 333: Hội đồng xét xử thấy rằng thửa đất này có nguồn gốc là của bà Nguyễn Thị H nhưng bà Hường đã giao cho ông C, bà L sử dụng từ năm 1985.

Ông C và bà L đã cùng sử dụng thửa đất này, xây dựng nhà ở kiên cố làm nơi ở mà bà H không phản đối. Quá trình sử dụng đất và nhà ở diễn ra liên tục, công khai, ổn định và đã kê khai đất, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu vào năm 1996 mang tên ông C và cấp đổi vào năm 2014 mang tên ông C và bà L. Như vậy, phải xác định ông C và bà L đã được bà H tặng cho quyền sử dụng đất. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của bà L, UBND huyện Can Lộc và đại diện VKSND huyện Can Lộc, xác định thửa đất 333 là tài sản chung của ông C và bà L. Việc bà H đòi lại quyền sử dụng thửa đất số 333 là không phù hợp nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà H. Việc ông C có nguyện vọng trả lại thửa đất số 333 cho bà H cũng không phù hợp vì ông C không có toàn quyền quyết định đối với thửa đất này.

- Về các tài sản khác: Ông C và bà L thống nhất căn nhà trên thửa đất số 333 và các vật dụng sinh hoạt trong gia đình là tài sản chung của vợ chồng. Tòa án đã tiến hành định giá các tài sản chung nhưng hiện nay bà L đã rút yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử đình chỉ phần yêu cầu này. Bà L có quyền khởi kiện lại yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung với ông C.

[5] Về nợ chung: Xét giấy vay tiền lập ngày 20/10/2010 do ông C viết thấy rằng: Ông C thừa nhận vay bà H 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) nhưng giấy vay tiền không có chữ ký của bà L, ông C không có chứng cứ gì khác chứng minh sử dụng số tiền này đã được đưa cho bà L hay sử dụng vào cuộc sống chung. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận đây là nợ chung của vợ chồng nên bà L không có nghĩa vụ trả $\frac{1}{2}$ khoản nợ này. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của bà H về việc yêu cầu bà L trả 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

Bà H rút phần yêu cầu đòi nợ 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) đối với ông C nên Hội đồng xét xử đình chỉ phần yêu cầu của bà H đối với ông C.

[6] Về án phí và chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị H là người cao tuổi và có đơn xin miễn tiền tạm ứng án phí, án phí nên được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà Thái Thị L phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm và được nhận lại tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung. Bà Thái Thị L phải chịu chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản đã nộp.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 70, khoản 2 Điều 71, Điều 73, Điều 217, Điều 218 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 33, Điều 34 Luật Hôn nhân và gia đình; Án lệ số 03/2016/AL về hôn nhân gia đình ngày 06/4/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện của bà Thái Thị L:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Thái Thị L, cho bà Thái Thị L được ly hôn ông Võ Văn C;

Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của bà Thái Thị L. Bà Thái Thị L có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại để chia tài sản chung với ông Võ Văn C.

2. Về yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị H:

Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu bà Thái Thị L và ông Võ Văn C trả lại thửa đất số 333, tờ bản đồ số 34 tại thôn Trung H, xã Thiên L, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh. Thửa đất số 333, tờ bản đồ số 34 này là tài sản chung của ông Võ Văn C và bà Thái Thị L.

Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu bà Thái Thị L trả 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

Đình chỉ yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị H về việc đòi nợ ông Võ Văn C số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng). Bà Nguyễn Thị H có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại để đòi nợ ông Võ Văn C.

3. Về án phí, chi phí tố tụng: Áp dụng điều 147, Điều 158, Điều 165, Điều 218 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 điều 3; Điều 24; Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2014/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị H; Bà Thái Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 150.000 đồng (một trăm năm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0006841 ngày 02/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Can Lộc. Bà Thái Thị L phải nộp tiếp 150.000 đồng (một trăm năm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm..

Bà Thái Thị L được nhận lại 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung đã nộp tại biên lai số 6853 ngày 31/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Can Lộc.

Bà Thái Thị L phải chịu 1.702.000 đồng (một triệu bảy trăm linh hai nghìn) chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản (bà L đã nộp tại Tòa án nhân dân huyện Can Lộc).

4. Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, bà Thái Thị L, ông Võ Văn C và bà Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Tiến D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Can Lộc;
- Chi cục THADS huyện Can Lộc;
- UBND xã Thiên Lộc;
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thị Thanh